

CÁC ĐỊNH HƯỚNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA HÒ BẢ TRẠO

Tạ Quang Đông

Nhạc viện TP. Hồ Chí Minh

taquangdong@hcmcons.vn

Ngày nhận bài: 06/6/2017; Ngày duyệt đăng: 29/12/2017

TÓM TẮT

Hò bả trạo là hình thức diễn xướng hát múa của người dân vùng biển, có sự tham gia của tuồng, âm nhạc Phật giáo, hò, lý dân gian... Lịch sử phát triển của hò bả trạo hơn 150 năm, bắt nguồn từ phía Bắc sau đó tiến dần vào các tỉnh ven biển miền Trung. Trải qua nhiều năm tháng, hò bả trạo đang ngày càng mai một. Bảo tồn hò bả trạo đang là những vấn đề lớn cần phải nghiên cứu tìm ra các định hướng để bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật của hò bả trạo.

Từ khóa: hò bả trạo, lễ hội Cầu ngư, hò đưa linh, thờ cá Ông, tổng lái

ABSTRACT

Guidelines for conserving and developing the artistic value of ba tráo chanty

Hò bả trạo is a form of singing and dancing performance of people in the seaboard areas, which includes the elements of tuồng (one kind of traditional art of stage), Buddhist chants and folk songs like hò, lý, etc. Hò bả trạo owns a history of more than 150 years of development since its origination from the northern Vietnam, through the gradual widespreading to the Central coast. Hò bả trạo is currently being shriveled. Its preservation raises a major problem that needs to be explored in order to maintain and promote its values.

Keywords: hò bả trạo, festival for fishermen, the fish falling ritual, Cá Ông worship, the ship's captain, the helmsman and commander of the crew

1. Thực trạng hò bả trạo hiện nay

Hò bả trạo là một hoạt động văn hóa đặc sắc của người dân vùng biển không những có giá trị về mặt văn hóa - nghệ thuật, tâm linh mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc gắn kết cộng đồng và thể hiện quá trình sáng tạo, gìn giữ bản sắc của văn hóa của ông cha ta. Vì những lý do đó, hát bả trạo Quảng Nam đã được Bộ VH-TT-DL công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia tại Quyết định số 3084/QĐ-BVHTTDL ngày 9/9/2013.

Hò bả trạo là một phần trong Lễ hội Cầu ngư, một phong tục thờ cá Voi (còn gọi là cá Ông) theo quan niệm của dân gian là do Đức Phật tạo ra để cứu khổ, cứu nạn cho bà con ngư dân. Tục thờ cá Voi có thể được hình thành từ thế kỷ XVII-XVIII và được ghi chép trong *Ô Châu cận lục* của Dương Văn An (1961: tr. 19). Tục thờ này được các nhà nghiên cứu tìm hiểu và xác định vùng phân bố bao gồm từ các tỉnh ven biển miền Trung đến các tỉnh Nam Bộ, thậm chí nó còn xuất hiện cả ở một số vùng Thanh Hóa (Hoàng Minh Tường, 2008), Quảng Điền (Thừa

Thiên Huế, trong lễ tế Bà Tơ), Lễ hội Dinh Cô (Bà Rịa - Vũng Tàu). Hò bả trạo được bắt nguồn hò đưa linh từ phía Bắc, dần dần phát triển xuống phía Nam, kết hợp với những truyền thống văn hóa - nghệ thuật của vùng đất ven biển miền Nam Trung Bộ để hình thành nên một hình thức sinh hoạt nghệ thuật cộng đồng mới là hò bả trạo. hò bả trạo là hình thức diễn xướng hát múa, có sự tham gia của Tuồng, âm nhạc Phật giáo, hò, lý dân gian... Tại Bình Chánh, Mỹ Tân (Quảng Ngãi) có lăng thờ cá Ông xây từ 1781 và lần đầu tiên cúng tế là vào năm 1811. Tại Ninh Thuận; theo nhà nghiên cứu Lê Xuân Lợi thì Bả Trạo đã có lịch sử tồn tại khoảng 150 năm.

Phục hồi hò bả trạo đang là vấn đề cấp thiết và cần được tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện. Rất nhiều khó khăn đặt ra trước các nhà quản lý văn hóa trong tiến trình phục dựng và phát triển những giá trị về nghệ thuật cũng như tinh thần của hò bả trạo. Mặc dù lịch sử phát triển đã trải qua hàng trăm năm nhưng hò bả trạo cũng có một thời gian dài bị gián đoạn do ảnh hưởng của chiến tranh. Vì vậy, trong một thời

gian dài, hò bả trạo không có những hoạt động, phong trào hát bả trạo đã gần như không còn tồn tại và chỉ mới được hồi sinh từ những năm 90 của thế kỷ XX. Thực trạng hiện nay có thể thấy rằng, rất nhiều bài bản đã bị thất truyền, nhiều nghệ nhân nắm giữ bản tích và nghệ thuật hát bả trạo đã không còn. Mặc dù có nhiều cố gắng sưu tầm, phục dựng nhưng do thiếu cán bộ làm công tác sưu tầm nên vẫn còn nhiều khó khăn.

Hiện nay, hầu hết các đoàn hát bả trạo là không chuyên và thường chỉ có biểu diễn theo mùa vụ trong năm cho nên tính chuyên nghiệp không cao. Các thành viên của đội diễn xướng là những thanh niên trẻ nên chưa có ý thức trong việc trình diễn, thời gian chính của họ vẫn là đi biển. Chỉ khi nào sắp có hội, họ mới tập trung lại để luyện tập. Những thế hệ nghệ sĩ diễn bả trạo sau này đã phải có nhiều cố gắng với sự giúp đỡ của Nhà nước mà trực tiếp là Sở Văn hóa để từng bước khôi phục.

Rất nhiều vịnh chài ven biển có tục thờ cá Ông nhưng cũng không có đội bả trạo riêng mà vẫn phải mời đoàn bả trạo từ các nơi khác đến diễn tại địa phương. Số đội bả trạo có điều kiện diễn thường xuyên trên cả dải đất Trung - Nam Trung bộ rất ít và kinh phí để duy trì phụ thuộc chính vào nguồn kinh phí của các Sở Văn hóa cấp.

Ngoài ra, các miếu, lăng thờ cá Ông cũng bị chiến tranh tàn phá nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến không gian biểu diễn truyền thống của hò bả trạo. Theo lời kể của các nghệ nhân, trước chiến tranh, có rất nhiều lăng thờ tồn tại, nhưng trong chiến tranh phần lớn đã bị tàn phá và không thể khôi phục lại được. Các đình chùa, miếu lăng hiện có thì đang xuống cấp.

Lễ hội chưa có nét riêng của từng địa phương, các lễ hội trùng lặp. Thương mại hóa, phục vụ du lịch nên có nhiều biến thể không đúng với những nguyên tắc cổ.

Thiếu sự giáo dục truyền thống, các yếu tố ngoại lai có điều kiện lấn át. Một yếu tố cũng ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của hò bả trạo là thế hệ trẻ ngày nay với sự bùng nổ của công nghệ thông tin đã dần xa rời các loại hình dân gian truyền thống. Hình thái cư trú, phương thức sản xuất thay đổi nên không gian thay đổi không còn thích hợp cho các lễ hội dân gian truyền thống.

Phương thức truyền dạy: vẫn tiếp tục theo kiểu truyền khẩu, trong dòng họ, trong gia đình.

Hiện nay mối liên quan giữa bảo tồn và phát triển ngày càng trở lên cấp thiết. Một số các nhà nghiên cứu đưa ra những quan điểm về bảo tồn và phát triển âm nhạc dân gian như sau:

Theo Tô Ngọc Thanh (1979) những đặc điểm cơ bản của âm nhạc dân gian gồm có:

- “Âm nhạc dân gian mang bản chất xã hội... Nó phản ánh tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng của người lao động, nảy sinh ngay ra trong các hoạt động sản xuất và sinh hoạt xã hội của họ” (tr. 1203).

- “Âm nhạc dân gian được sáng tác và trình diễn gắn liền với những hoạt động sản xuất và sinh hoạt xã hội cụ thể của người lao động... Ta nói âm nhạc dân gian có tính thực hành xã hội... Tính thực hành xã hội được thể hiện gián tiếp trong các thể loại âm nhạc” (tr. 1203-1204).

- “Âm nhạc dân gian không tồn tại dưới dạng văn bản... Trình diễn âm nhạc dân gian còn là quá trình sáng tác tại chỗ... Quá trình trình diễn một tác phẩm âm nhạc dân gian lại cũng là lúc nó được truyền bá... được lưu truyền theo cách truyền miệng” (tr. 1207).

- “Âm nhạc dân gian là của cải chung của xã hội... có tính tập thể, có tính khuyết danh” (tr. 1207).

Vũ Nhật Thăng (1993) đã nêu quan điểm của ông về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển âm nhạc dân gian như sau:

1. Bảo tồn để phát triển.
2. Tạo điều kiện cho nhân dân các dân tộc tự bảo vệ, thừa kế, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống và tiếp thu, giao lưu, sáng tác văn hóa mới.

Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian, Ngô Đức Thịnh, Ủy viên Hội đồng di sản Văn hóa quốc gia, nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa Việt Nam đã phân tích sâu về những khái niệm cơ bản về bảo tồn gồm hai phương pháp như sau:

- Bảo tồn tĩnh: quay phim, chụp ảnh, ghi âm, ghi chép.

- Bảo tàng động: đưa nó về cộng đồng. Vì, cộng đồng chính là chủ thể của di sản, không ai có thể thay thế được họ (Ngô Đức Thịnh, 2010).

Bùi Huyền Nga (1998) cũng đã đưa ra khái

niệm mang tính lý luận và những phương thức cụ thể như sau:

- Bảo tồn: bảo tồn nguyên dạng và bảo tồn không câu nệ.

- Tiếp thu: tiếp thu nguyên mẫu và tiếp thu có sáng tạo dựa trên cơ sở truyền thống. Thực chất khái niệm tiếp thu là một cách diễn đạt khác của khái niệm phát huy, phát triển.

Cũng theo tác giả Bùi Huyền Nga, các làn điệu dân ca có thể làm sống lại dưới dạng trình diễn chuyên nghiệp. Nghĩa là tách nó ra không phụ thuộc vào tính thực hành xã hội của nó, và phổ cập rộng rãi bằng nhiều phương tiện khác nhau.

Trong những thời gian gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực gìn giữ và bảo tồn hò bà trạo đã có những bước tiến đáng kể như: đầu tư sửa chữa tu bổ các miếu, lăng ven biển của các vịnh chài; tổ chức sưu tầm các bài bản cổ, tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu vào nghiên cứu nghệ thuật bà trạo và lập hồ sơ Di sản phi vật thể quốc gia; phục dựng nhiều đội bà trạo; mở một số câu lạc bộ truyền dạy; đưa bà trạo vào các sự kiện, liên hoan nghệ thuật... Những thành tựu này phần nào đã góp phần giới thiệu nghệ thuật bà trạo cho người dân địa phương và nhân dân trong cả nước. Tuy nhiên, nhiều chính sách vẫn còn chưa có điều kiện để mang lại hiệu quả cho sự phát triển bà trạo.

Qua đánh giá thực trạng, chúng tôi thấy cần xác định rõ những định hướng để bảo tồn và phát huy bà trạo trong thời gian tới.

2. Định hướng các phương pháp bảo tồn và phát triển

Trong điều kiện hiện nay, hướng bảo tồn đang là những vấn đề lớn cần phải nghiên cứu. Tồn tại nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề làm sao bảo tồn nhưng vẫn phát triển. Có ý kiến cho rằng, phải gìn giữ theo đúng nguyên bản, các ý kiến khác lại cho rằng cần phải chuyển biến để hòa nhập với đời sống thực tại. Đối với hò bà trạo, nhiều đoàn hát ở nhiều vùng trong cả nước đã có những cải tiến về trang phục như đội nón lá, chít khăn, đưa màu xanh vào trang phục; cắt các trường đoạn để tiện đưa lên trình diễn trên sân khấu; thêm các loại nhạc cụ đệm cho hát để tăng phần sinh động,

đưa bà trạo vào những điểm đến của các công ty du lịch như tại Quảng Điền (Thừa Thiên - Huế), Hội An (Đà Nẵng) và một số vùng khác tại Bình Thuận, trong đội chèo có sự tham gia của nữ giới Điện Dương (Điện Bàn, Quảng Nam) (Khánh Chi, 2017)... để hát xướng có thêm khán giả và một phần nào giải quyết về vấn đề tài chính. Nhưng xung quanh vấn đề này cần được làm rõ về cách làm để không làm mất đi những bản sắc độc đáo của hò bà trạo. Do đó, hò bà trạo cần được nghiên cứu tỉ mỉ, khoa học và toàn diện để có thể có những định hướng trong việc bảo tồn và phát triển.

Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng, hò bà trạo là hình thức diễn xướng gắn với thiên nhiên, với biển cả với lãng miếu do đó không gian trình diễn luôn là điểm quan trọng hàng đầu để không làm mất ý nghĩa của hát xướng, mất không gian trình diễn thì những gì bà trạo muốn diễn đạt trong vở diễn cũng sẽ mất đi những ý nghĩa cao đẹp của nó. *'Chỉ khi sống nhờ vào biển, gần bó với biển, đôi mắt với tiếng gầm của sóng, tiếng gió rít trong đêm lạnh, giữa không gian bao la của biển thì mới cảm nhận hết và trân trọng ý nghĩa của sự khoáng đạt mà gần gũi, linh thiêng mà sôi nổi của văn hóa dân gian hát bà trạo'* (Văn hóa dân gian hát bà trạo, 2015).

Đưa bà trạo giới thiệu cho khách du lịch cũng là một điểm đáng quan tâm cũng như một số các nước khác trong vùng cũng đưa các điệu múa, hát, kịch truyền thống ra giới thiệu với khách du lịch. Nhưng bà trạo cũng còn có nhiều điểm hạn chế như phải gần với sông nước, hiểu được nội dung và nếu trình diễn đầy đủ kịch bản thì sẽ không có thời gian và gây tác dụng trái chiều. Do vậy, cần phải có những đạo diễn, nghệ nhân có tay nghề để chọn lựa, chắt lọc những đoạn có ý nghĩa, có nhịp điệu có thể mang ra giới thiệu. Nhưng trên cách làm này thì bà trạo lại mất hết ý nghĩa nội dung và nghệ thuật. Vì vậy đây cũng vẫn còn là những vấn đề chưa thể có những cách giải quyết xác đáng.

3. Một số giải pháp

3.1. Giáo dục, tuyên truyền về nội dung nghệ thuật

Nếu muốn bảo tồn bất kể một loại hình nghệ

thuật nào thì điều khó khăn nhất là phải đưa hình thức này đi sâu vào quần chúng, phải được quần chúng thật sự yêu thích. Vì vậy giáo dục kiến thức là mục tiêu cần thiết vì nếu khán giả không hiểu được những yếu tố đặc thù, nội dung nghệ thuật thì nghệ thuật bà trạo sẽ không thể có sức lan tỏa rộng rãi. Làm chủ được những kiến thức về bà trạo thì khán giả sẽ hiểu rõ hơn và yêu thích loại hình nghệ thuật này. Đây là một yếu tố thuận lợi để bà trạo thu hút thêm được khán giả. Muốn vậy, bà trạo phải được phát triển toàn diện trên nhiều mặt *hiểu biết - nghe - nhìn - đào tạo*:

- Tuyên truyền trên các phương tiện đại chúng bằng các chương trình biểu diễn, bằng các buổi tọa đàm, dẫn giải bà trạo. Hiệu quả của truyền thông trong thời đại hiện nay là vô cùng to lớn. Tác dụng về tuyên truyền, quảng bá, giáo dục đối với mọi tầng lớp nhân dân đã được khẳng định. Các thông tin được truyền tải bằng các phương tiện này luôn được khán giả yêu thích và đón nhận. Bên cạnh những chương trình biểu diễn phải có những chương trình tọa đàm, thảo luận khoa học có sự tham gia các nghệ nhân, các nhà nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật để giải thích những cái hay, cái đẹp của Bà Trạo cho khán thính giả có thêm sự hiểu biết. Những kiến thức này sẽ giúp ích rất nhiều cho việc tạo nên sự yêu thích của thính giả. Làm cho bà trạo sẽ có chỗ đứng bền vững trong lòng nhân dân.

- Tăng cường các buổi biểu diễn trong nhiều sự kiện văn hóa - nghệ thuật khác nhau nhằm giới thiệu cái hay, cái đẹp của nghệ thuật bà trạo. Không chỉ tuyên truyền bằng các phương tiện thông tin đại chúng thì hình thức biểu diễn sẽ đóng vai trò bổ trợ đắc lực đối với nhận thức của khán giả. Nếu không được xem, được nghe trực tiếp một cách sống động thì hiệu quả tuyên truyền sẽ bị giảm hơn rất nhiều.

- Mở các câu lạc bộ truyền dạy do các nghệ nhân trực tiếp truyền nghề để có thể đào tạo ra được những nghệ sĩ giỏi cho loại hình này. Mặt khác, sẽ tiến tới có được tính thống nhất trong cách biểu diễn khi loại hình này được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp. Thống nhất, chỉnh lý lại các bài bản bà trạo đã được tìm thấy vì có rất nhiều dị bản đang tồn tại.

- Đào tạo trên hai phương diện: đào tạo cho

lớp trẻ mang tính xã hội hóa và đào tạo bán chuyên cho những đội bà trạo. Tiêu chí này một mặt mang tính tuyên truyền theo chiều rộng. Mặt khác, có điều kiện dễ dàng lựa chọn những gương mặt tài năng tập trung thành những đội bà trạo hoạt động theo kiểu bán chuyên nghiệp.

3.2. Tăng cường nghiên cứu toàn diện và có chiều sâu những giá trị nghệ thuật và tinh thần của hò bà trạo

Hò bà trạo còn rất nhiều “khoảng trống” cần phải nghiên cứu. Mặc dù, đã có lịch sử hàng trăm năm nhưng vấn đề sưu tầm, bảo tồn vẫn còn nhiều việc phải làm. Bài bản hiện nay chưa được phong phú, các bài có nguồn gốc lâu đời thường có nhiều dị bản, các nghệ nhân dần mai một theo thời gian. Các đề tài nghiên cứu bà trạo phần lớn chưa đi sâu vào phần nghiên cứu cách diễn xướng, kỹ thuật diễn xướng, tính nghệ thuật. Hơn nữa diễn xướng hò bà trạo mang tính cộng đồng, tính dân gian tổng hợp hát - múa, tính tín ngưỡng nên cách tiếp cận vấn đề có phần phức tạp hơn một số các hình thức văn hóa dân gian khác. Vì vậy, công tác của những nhà nghiên cứu cần phải tập trung sưu tầm, chỉnh lý các bài bản, làn điệu, cách diễn xướng và quan trọng là nghiên cứu bản chất nghệ thuật để dựa trên đó có hướng bảo tồn và phát triển trong tương lai. Trong thời gian tới, vấn đề này cần cần có các nghiên cứu cấp nhà nước để có thể tổng kết, đánh giá toàn diện những giá trị đặc sắc của hò bà trạo.

3.3. Thử nghiệm hình thức sân khấu của hò bà trạo

Muốn tiếp tục đưa hò bà trạo lan rộng hơn nữa thì phải có những chương trình biểu diễn tuyên truyền rộng rãi hơn trong những lễ hội, tách khỏi không gian nguyên bản xưa là biển cả, làng miếu. Việc thử nghiệm đưa bà trạo lên sân khấu giống các loại âm nhạc dân gian khác là việc đáng được quan tâm. Hò bà trạo có những điểm mạnh và hạn chế về thể loại, hình thức diễn xướng. Điểm hạn chế là tính chất của màn diễn xướng thường mang tính bi ai. Thời gian diễn xướng dài và cách hát phần lớn theo kiểu hát đơn với phần phụ họa nên dễ gây nhàm chán. Nhưng, hò bà trạo có thể mạnh là có các điệu hò, lý; có

nhiều trường đoạn có thể lắp ghép với nhau hoặc cắt ngắn; cách diễn xuất giống tính chất tuồng nên khả năng đưa bả trạo lên biểu diễn sân khấu với những bài bản ngắn, tính chất âm nhạc hùng tráng, khỏe khoắn là có thể thực hiện được. Với những ưu điểm trên, có lẽ chỉ còn thiếu bàn tay chuyên nghiệp của các nghệ nhân để có thể tạo ra được những màn trình diễn chuyên nghiệp trên sân khấu. Đưa hò bả trạo lên sân khấu sẽ tạo ra thêm một thể mạnh mới bên cạnh không gian truyền thống của bả trạo, đáp ứng thêm được sự thưởng thức của nhân dân xa vùng biển muốn được thưởng thức bả trạo.

3.4. Tăng cường tính chuyên nghiệp

Muốn duy trì và phát huy hơn nữa thì hò bả trạo phải tổ chức được những đội mùa hát chuyên nghiệp. Có phát triển theo hướng chuyên nghiệp thì nghệ thuật hò bả trạo mới có điều kiện phát triển tốt hơn. Hiện nay tập luyện bả trạo chỉ có một số ít đội có điều kiện biểu diễn thường xuyên (chưa nói đến tính chuyên nghiệp). Tuy nhiên, phần lớn là để biểu diễn cho khách du lịch cho nên cũng chưa chú ý nhiều đến chất lượng biểu diễn. Các đội bả trạo diễn theo mùa vụ, không cần luyện tập nhiều. Cho nên chất lượng không cao, nhiều diễn viên đóng vai con trạo chỉ đứng trong đội hình cho đủ số lượng chứ thực sự chưa hòa mình vào màn diễn.

Trong diễn xướng bả trạo thì vai trò của các tổng, nhất là tổng mũi đóng vai trò quyết định trong cả đội. Người đóng vai tổng mũi có một kiến thức tổng hợp và làm chủ các kỹ thuật kết hợp giữa hát - nói - xướng, phải biết dẫn dắt, giữ nhịp, thêm bớt các đoạn hò, lý vào tiến trình hát tùy theo tình hình thực tế diễn biến của màn diễn xướng.

Màn diễn xướng bả trạo có thành công hay không đều phụ thuộc vào các tổng cho nên, việc đào tạo cũng như tập huấn nâng cấp những tổng đang biểu diễn là điều cần thiết. Để đạt được mục tiêu này phải có sự hỗ trợ của các Sở Văn hóa mà trực tiếp là các cán bộ làm công tác bảo tồn để có thể tổ chức ra những lớp giảng dạy, nâng cao trình độ đối với các nghệ sĩ dân gian đang giữ trọng trách làm tổng trong các đoàn diễn.

Cho nên, để đưa nghệ thuật bả trạo tiến lên

hơn nữa cần phải có những đội mang tính chuyên nghiệp. Tính chuyên nghiệp ở đây cần phải chú ý tới bài bản, trang phục, động tác múa, nhịp điệu, dàn nhạc đệm... Nhất là phải có những tổng chuyên nghiệp.

Mặt khác, do hò bả trạo là loại hình diễn xướng dân gian cho nên bên cạnh những nhóm chuyên nghiệp vẫn phải có mảng phát triển không chuyên theo cách như loại hình này đã tồn tại đến ngày nay. Mục đích là gìn giữ cái độc đáo về dị bản, về tính dân gian của loại hình này.

Hai hình thức này sẽ bổ sung và cùng nhau phát triển để bả trạo có thể phát huy được hết thế mạnh của mình như loại hình dân gian mà vẫn giữ được những tiêu chuẩn cơ bản nhất tồn tại từ hàng trăm năm nay.

3.5. Cần có các chính sách giúp đỡ khẩn cấp đối với nghệ nhân

Như đã phân tích ở trên, các nghệ nhân càng ngày càng ít đi do chiến tranh và tuổi tác. Tuy nhiên, hiện nay rất nhiều nghệ nhân có tuổi vẫn miệt mài tiếp tục công tác nghiên cứu và truyền dạy cho lớp nghệ sĩ trẻ. Đối với nghệ nhân, nhà nước cần phải có một số mặt cần phải chú ý tạo điều kiện cho họ phát huy niềm đam mê bằng cách:

- Không chỉ tạo điều kiện về tài chính mà còn phải tạo điều kiện để các nghệ nhân tham gia trực tiếp vào công tác sưu tầm, bảo tồn, giảng dạy và tham gia hội thảo về âm nhạc dân gian truyền thống trong và ngoài nước;

- Tổ chức các lớp đào tạo do các nghệ nhân giảng dạy;

- Lập các hồ sơ công nhận Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú nhằm tôn vinh những đóng góp của các nghệ nhân trong công cuộc bảo tồn và phát huy bả trạo trong thời gian qua. Cần chú trọng tới tính đặc thù, hoàn cảnh của mỗi nghệ nhân;

- Có chính sách đãi ngộ về tài chính để đảm bảo cho cuộc sống và các hoạt động nghệ thuật của nghệ nhân.

3.6. Đưa hò bả trạo vào giảng dạy trong các trường học

Đây là một trong những phương pháp hiệu

quả nhất để bảo tồn và phát huy không chỉ hò bả trạo mà còn có thể áp dụng cho các loại hình nghệ thuật dân gian khác. Tuy nhiên, cách thức triển khai là điều đáng phải bàn tới.

Khảo sát hiện trạng cho thấy rất nhiều dự án đã được triển khai trên toàn quốc với nhiều nguồn vốn khác nhau: Nhà nước, tư nhân, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài UNESCO; nhiều đơn vị nghệ thuật tham gia dự án khác nhau từ các nhóm nhỏ cho đến các Nhà hát, Học viện, Đoàn nhạc giao hưởng đã đưa nhiều hình thức âm nhạc từ cổ điển, dân gian đến hiện đại; từ nghệ thuật múa, hát, đàn, kịch cho đến kịch, chèo, tuồng... đến với học sinh nhưng chưa mang lại hiệu quả và không có tính bền vững.

Vậy đâu là vấn đề cần phải giải quyết? Mặc dù theo nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều chứng minh rằng, chỉ có đào tạo và sự nhận thức của người dân thì các loại hình âm nhạc, nghệ thuật... mới có thể sống với thời gian và phát triển bền vững.

Đánh giá sự không thành công của các dự án này là do thiếu tính lâu dài, tính chiến lược. Khi hết nguồn vốn thì dự án dừng lại sau một thời gian hoạt động và rất hiếm các dự án lại được tiếp tục triển khai. Về nội dung thì chưa gắn kết được với học sinh, chưa đạt được các tiêu chí cơ bản như: phải khơi dậy lòng yêu thích, say mê của học sinh... Phần lớn các dự án này mang tính biểu diễn theo chương trình, không đi sâu vào tính bền vững và quan trọng hơn là các trường học chỉ là đối tác thụ hưởng chứ chưa phải là thành viên cùng tham gia triển khai kế hoạch. Chương trình mà các đơn vị nghệ thuật triển khai tại trường hay dựa vào khả năng biểu diễn, giảng dạy của đơn vị đó mà chưa tính nhiều đến tính thực tế, tính đặc thù vùng miền. Ngoài ra phải tính đến thời lượng mà các trường có thể bố trí để tiếp nhận những chương trình biểu diễn. Thông thường thì là một tiết học ngoại khóa hoặc vào lúc chào cờ đầu tuần nên các chương trình cũng không thể triển khai một cách có hiệu quả. Những điểm mấu chốt này đã ảnh hưởng không nhỏ tới cách suy nghĩ, cách lên kế hoạch dự án và kết quả dự án.

Vì vậy, để bảo đảm thành công phương pháp này cần đảm bảo:

- Cần phải xây dựng các tiêu chí của dự án đáp ứng được tính đặc thù vùng miền, tính hợp lý đối với trình độ và sự hiểu biết của học sinh.

- Mục tiêu chính của kế hoạch là xác định thành phần tham gia. Trong đó các trường phổ thông phải là một trong những thành phần chính của dự án. Không tách rời giữa đơn vị triển khai dự án và các trường.

- Lựa chọn loại hình nghệ thuật giảng dạy phải thích hợp với vùng miền, không đưa các loại hình mà không phải là thế mạnh ở địa phương vào chương trình. Tức là phải tập trung mang hát hò bả trạo vào các trường nằm trên địa bàn có phổ biến loại hình này trong thời gian đầu. Tiếp theo có thể phát triển lan dần ra các vùng lân cận để truyền bá sâu rộng hơn. Nhưng, hoàn toàn không nên khi mang hò bả trạo sang những vùng mà học sinh xa lạ với loại hình này.

- Nên đưa yếu tố giảng dạy, truyền bá lên hàng đầu, xếp trên yếu tố biểu diễn. Không phải chỉ đưa chương trình đến giới thiệu và biểu diễn mà còn phải hướng tới các yếu tố đào tạo. Đào tạo cho các giáo viên, đào tạo các học sinh...

- Phải xây dựng đề cương chi tiết không chỉ cho một chương trình mà phải tính đến tính dài lâu.

- Do nguồn kinh phí của các dự án đều có hạn nên các bên tham gia dự án phải tính đến những giai đoạn mà không có kinh phí hỗ trợ. Có nghĩa rằng phải lập phương án tập trung nguồn vốn cho những hoạt động đào tạo lực lượng của trường để sau đó tự bản thân trường có thể tiếp tục triển khai độc lập giai đoạn sau dự án.

Nếu các yếu tố này được triển khai một cách đồng bộ thì mục tiêu đưa hò bả trạo vào giảng dạy tại các trường sẽ thành công tốt đẹp, góp phần bảo tồn và phát huy hơn nữa những giá trị của hò bả trạo.

Trong thời gian tới, nguồn kinh phí vẫn là một yếu tố cần thiết nhất để có thể thúc đẩy công tác bảo tồn và phát triển hò bả trạo. Tuy nhiên, cần phải đầu tư có trọng điểm, có chiều sâu để có thể mang lại hiệu quả bền vững bên cạnh việc tiếp tục huy động nguồn vốn xã hội hóa. Hiện nay, phần lớn các nơi tổ chức hò bả trạo vẫn bằng nguồn vốn đóng góp của các hộ ngư dân cho nên không có đủ để đầu tư một cách nghiêm túc cho

việc tập luyện và biểu diễn, dẫn đến chất lượng biểu diễn không cao. Việc bố trí hợp lý nguồn vốn giữa đầu tư của nhà nước và xã hội hóa cũng cần phải tính toán. Thí dụ như chọn các lĩnh vực bố trí nguồn vốn của nhà nước cho những lĩnh vực mang tính chiến lược như cho nghệ nhân, đào tạo các Tổng hoặc tổ chức các hội thảo, các đề tài nghiên cứu. Các lĩnh vực khác như tổ chức khai thác biểu diễn, tu sửa lăng miếu hoặc đầu tư cho các đội bà trạo thì giao cho nguồn vốn xã hội hóa. Có như vậy mới khai thác tốt nhất kinh phí để tạo điều kiện phát triển bà trạo mạnh mẽ hơn nữa.

Để có thể đưa bà trạo phát triển thì công tác bảo tồn, nghiên cứu một cách tổng thể phải được đặt lên hàng đầu. Sự phát triển của bà trạo cũng như nhiều loại hình truyền thống khác một mặt vẫn phải giữ vững bản sắc, nhưng mặt khác phải có những hướng đi tới để có thể tiếp tục phát triển trong đời sống hiện nay. Mức độ những cải tiến như thế nào cho thích hợp phải có những nghiên cứu, thử nghiệm và đánh giá một cách có khoa học, không chạy theo trào lưu thị trường thương mại hóa nhưng cũng không nên đóng cửa, xa rời với đời sống văn hóa hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Văn An (1961). *Ở Châu cận lục*. Bùi Lương dịch, Sài Gòn, NXB Văn hóa Á Châu.
- Nguyễn Chí Bền (2002). Lễ hội nghinh ông ở xã Bình Thắng, một cách tiếp cận. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6.
- Nguyễn Văn Bồn biên soạn (2001). *Văn học Dân gian Quảng Nam*. Sở VH TT Quảng Nam.
- Nguyễn Minh Châu (2015). Nghệ thuật diễn xướng Bà Trạo trong đời sống tâm linh của cư dân ven biển Quảng Ngãi, Huế, *Hội thảo khoa học về hò bà trạo*.
- Khánh Chi (2015). *Đội Bà trạo nữ duy nhất ở vùng biển xứ Quảng*. Tham khảo tại: <http://sankhau.com.vn/news/doi-ba-trao-nu-duy-nhat-o-vung-bien-xu-quang.aspx> [Truy cập ngày 29 tháng 3 năm 2015].
- Durand, M. (1953). *Culte de la balaine: Chant des pecheurs de Trường Đông*. Trần Hàm Tấn dịch, B.S.E.I: XXVIII quyển 2.
- Lê Quang Định (2005). *Hoàng Việt Nhất thống dư địa chí*. Huế, NXB Thuận Hóa.
- Phan Đình Độ (2002). Tín ngưỡng thờ cá Ông của ngư dân Lý Sơn. *Tạp chí Cẩm Thành*, số 33.
- Lê Văn Hoa (2002). Tục thờ Cá Ông ở Khánh Hòa. *Tạp chí Xưa và Nay*, 122, tr. 73-74.
- Trần Hoàng (1999). Tục thờ cá voi ở các làng ven biển từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 3.
- Lê Hồng Khánh (2015). Tục thờ cá Ông và hát múa Bà Trạo ở vùng ven biển Quảng Ngãi, Huế, *Hội thảo khoa học về hò bà trạo*.
- Leopold, C. (2010). *Văn hóa tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt, tập II*. Đỗ Trinh Huệ dịch, Huế, NXB Thuận Hóa.
- Nguyễn Thăng Long (2007). Dinh Ông và tục thờ cá voi ở làng Mỹ Lợi (xã Vĩnh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế). *Thông báo Dân tộc học*. Hà Nội, NXB Khoa học - Xã hội.
- Bùi Huyền Nga (1998). Bảo tồn, tiếp thu và phát triển vốn âm nhạc dân tộc cổ truyền. *Văn hóa Nghệ thuật*, số 8.
- Trương Đình Quang và Thy Hào Trương Duy Hy (2011). *Hát bà trạo - hò đưa linh*. Hà Nội, NXB Dân tộc.
- Tô Ngọc Thanh (1979). Sơ lược về âm nhạc dân gian. *Tạp chí Âm nhạc*, số 2.
- Nguyễn Phương Thảo (1991). Tục thờ cúng cá voi của ngư dân ven biển Bến Tre. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 5.
- Vũ Nhật Thăng (1993). Thanh niên với việc bảo tồn âm nhạc dân tộc. *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 4.
- Ngô Đức Thịnh (2010). *Bảo tồn là lưu giữ, truyền dạy và chấp nhận*. Tham khảo tại: www.cucct-pn-bvhttdl.gov.vn [Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2017].
- Hoàng Minh Tường (2008). Tín ngưỡng cá voi của ngư dân Thanh hóa thời Nguyễn. *Thanh Hóa, Kỷ yếu Hội thảo Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*.
- Tô Vũ (1996). *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Hà Nội, NXB Âm nhạc.
- Trần Quốc Vượng (1996). Di sản từ Quảng trị qua xứ Huế đến Nha Trang để từ sự Thiên Y A Na trở về cội nguồn sự tích Pô Inoo Nagar. Trong *Theo dòng lịch sử - những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*, Hà Nội, NXB Văn hóa.
- Cổng thông tin đa chiều du lịch Đà Nẵng (2015). *Văn hóa dân gian hát bà trạo*. Tham khảo tại: <http://dulichdanang.vn/vn/van-hoa-dan-gian-hat-ba-trao.html> [Truy cập ngày 17 tháng 01 năm 2015].